

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 09 - 5 - 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều SMi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về “*Kiến xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T.H, sinh năm 1990 - có mặt;

Địa chỉ: Bon B, xã ĐS, huyện T, tỉnh Đắk Nông;

Bị đơn: Anh Nguyễn Công D, sinh năm 1989 - có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Bon B, xã ĐS, huyện T, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T.H trình bày:

Chị Phạm Thị T.H và anh Nguyễn Công D sau một thời gian tìm hiểu, yêu đương thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian và có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc Hữu D, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nguyễn H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019.

Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, không tìm được tiếng nói chung. Không những thế, anh D còn thường xuyên rượu chè, gây sự, chửi bới, đánh đập chị T.H, thiếu sự quan tâm đến gia đình. Anh chị đã cố gắng khắc phục những thiếu sót, tìm cách hàn gắn hôn nhân nhưng không được. Vì mâu thuẫn quá nhiều mà không thể giải quyết, càng ngày càng trầm trọng khiến tình cảm rạn nứt và anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay, hiện tại chị T.H không còn tình cảm với anh D nữa. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống, nay chị T.H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Công D. Về con chung: Chị T.H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại chị T.H đang là công chức nhà nước, công tác tại Phòng K Ủy ban nhân dân huyện T, cộng tác viên giảng dạy một số bộ môn tại Trường trung cấp kinh tế - kỹ thuật P và kinh doanh mỹ phẩm online, có thu nhập ổn định, có thể đảm bảo cuộc sống tốt cho các con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Công D trình bày: Anh Nguyễn Công D và chị Phạm Thị T.H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống có 02 con chung như chị T.H đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh D cũng không còn tình cảm gì với chị T.H. Vì vậy, nay chị T.H có đơn xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh D đồng ý giao 02 con chung cho chị T.H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức xác định việc chấp hành của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành nghiêm các quy định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T.H được ly hôn với anh Nguyễn Công D.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hữu D, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nguyễn H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019 cho chị Phạm Thị T.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T.H không yêu cầu đối với việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T.H, anh D đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị T.H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Phạm Thị T.H và anh Nguyễn Công D chung sống và có đăng ký kết hôn. Ngày 07/02/2023 chị T.H nộp đơn xin ly hôn với anh D và yêu cầu giải quyết nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hữu D; sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nguyễn H; sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Công D hiện đang cư trú tại Bon B, xã ĐS, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T.H và anh Nguyễn Công D kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện T, tỉnh Đắk Nông, giấy đăng ký số 87 vào ngày 09/12/2016 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Vào thời điểm kết hôn, cả chị T.H và anh D đều đã đủ tuổi kết hôn vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T.H và anh D là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị T.H: Chị T.H và anh D đều nhận thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và hiện tại đang sống ly thân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết quá trình chung sống chị T.H và anh D có xảy ra mâu thuẫn, anh D có hành vi đánh đập chị T.H và đã được chính quyền địa phương nhắc nhở nhiều lần nhưng không hiệu quả, hiện tại chị T.H và anh D đang sống ly thân.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T.H và anh D là có thật; mâu thuẫn thường xuyên kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T.H là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T.H và anh Nguyễn Công D có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hữu D, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nguyễn H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019. Đến thời điểm xét xử, cháu D mới 06 tuổi 13 ngày và cháu H mới 03 tuổi 10 tháng. Trong quá trình chị T.H và anh D không chung sống cùng nhau thì các con chung do chị T.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T.H có yêu cầu được

nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nhận thấy chị T.H có công việc, thu nhập ổn định, các con chung còn nhỏ tuổi, lại đều là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, anh D cũng đồng ý giao cả 02 con chung cho chị T.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy, việc giao cả 02 con chung cho chị T.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì chị T.H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T.H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T.H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T.H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T.H được ly hôn với anh Nguyễn Công D.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hữu D, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 và Nguyễn H, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2019 cho chị Phạm Thị T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Công D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì chị T.H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D. Chị T.H có quyền yêu cầu anh D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Phạm Thị T.H phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T.H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002496 ngày 08/02/2023 của Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Đắk Búk So, H. Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (ĐKKH số 87/2016);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiêm